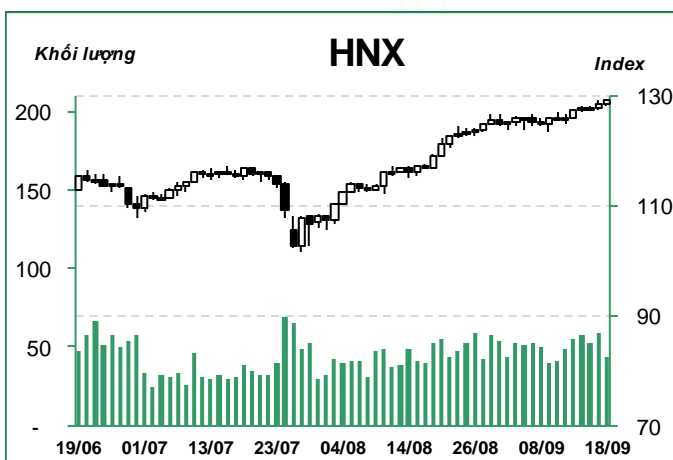
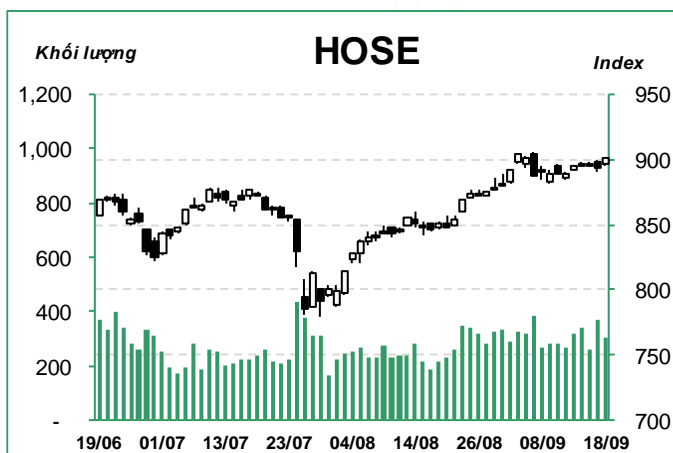


## Tổng quan thị trường

| 18/09/2020                  | HOSE            |                | VN30            |               | HNX             |                |
|-----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|---------------|-----------------|----------------|
|                             | Giá trị         | Thay đổi %     | Giá trị         | Thay đổi %    | Giá trị         | Thay đổi %     |
| <b>Giá trị đóng cửa</b>     | <b>900.95</b>   | <b>0.77%</b>   | <b>841.26</b>   | <b>1.13%</b>  | <b>129.20</b>   | <b>0.57%</b>   |
| Cuối tuần trước             | 888.97          | 1.35%          | 825.56          | 1.90%         | 126.21          | 2.37%          |
| Trung bình 20 ngày          | 890.28          | 1.20%          | 827.09          | 1.71%         | 126.25          | 2.34%          |
| <b>Tổng KLGD (triệu cp)</b> | <b>361.84</b>   | <b>-8.50%</b>  | <b>114.64</b>   | <b>6.41%</b>  | <b>44.24</b>    | <b>-28.06%</b> |
| <b>KLGD khớp lệnh</b>       | <b>303.73</b>   | <b>-18.16%</b> | <b>94.17</b>    | <b>-2.52%</b> | <b>43.22</b>    | <b>-25.96%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 310.07          | -2.05%         | 86.08           | 9.40%         | 50.62           | -14.62%        |
| <b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>  | <b>6,661.62</b> | <b>1.79%</b>   | <b>3,095.64</b> | <b>6.24%</b>  | <b>490.68</b>   | <b>-36.32%</b> |
| <b>GTGD khớp lệnh</b>       | <b>5,210.50</b> | <b>-11.42%</b> | <b>2,513.84</b> | <b>-1.84%</b> | <b>470.13</b>   | <b>-33.07%</b> |
| Trung bình 20 ngày          | 5,352.02        | -2.64%         | 2,467.76        | 1.87%         | 575.54          | -18.32%        |
|                             | <b>Tỷ trọng</b> |                | <b>Tỷ trọng</b> |               | <b>Tỷ trọng</b> |                |
| <b>Số mã tăng</b>           | 245             | 53%            | 25              | 83%           | 75              | 21%            |
| <b>Số mã giảm</b>           | 148             | 32%            | 1               | 3%            | 74              | 21%            |
| <b>Số mã đứng giá</b>       | 70              | 15%            | 4               | 13%           | 207             | 58%            |



Thị trường đồng loạt bứt phá trong phiên giao dịch ngày thứ 6 nhờ lực cầu quay trở lại ở nhiều cổ phiếu trụ. Mặc dù phiên ATC xuất hiện giao dịch lớn của khối ngoại do 2 quỹ FTSE ETF và V.N.M ETF cơ cấu danh mục định kỳ, đà tăng của các chỉ số vẫn được duy trì cho đến hết phiên.

Chốt phiên, VN-Index tăng 0.77% và đóng cửa sát mốc 900 điểm. Thanh khoản sụt giảm so với phiên hôm qua với KLGD khớp lệnh đạt 303.7 triệu cổ phiếu (-18.2%), tương đương 5,211 tỷ đồng giá trị (-11.4%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với 245 mã tăng so với 148 mã giảm.

Sắc xanh hôm nay có sự lan tỏa đến nhiều nhóm ngành. Trong đó, nhóm ngân hàng nổi bật nhất với nhiều cổ phiếu trụ cột tăng điểm như BIDV-BID (+1.2%), Vietinbank-CTG (+2.0%), Techcombank-TCB (+2.3%) hay MBBank-MBB (+3.6%). Ngoài ra, Vinamilk-VNM (+1.5%), PV Gas-GAS (+1.1%), Hòa Phát-HPG (+1.2%) cũng tích cực không kém. Bên cạnh đó, một cổ phiếu khác cũng đáng chú ý là Trường Thành Group-TTA khi cổ phiếu này tăng trần 20% ngay trong ngày đầu lên sàn HoSE với giá trị giao dịch khá lớn xấp xỉ 120 tỷ. Ở chiều ngược lại, Thiết bị điện Việt Nam-GEX (-1.2%), Becamex IDC-BCM (-0.2%), Điện lực Nhơn Trạch 2-NT2 (-1.5%), Dầu Tường An-TAC (-5.4%) là những cổ phiếu giảm điểm nhưng áp lực không quá đáng kể.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HoSE, đạt giá trị 107.2 tỷ đồng (-28.6%). Trong đó, những cổ phiếu bị khối ngoại bán ra nhiều nhất là Vinhomes-VHM (-67.4 tỷ), PV Power-POW (-38.1 tỷ) và BIDV-BID (-28.5 tỷ). Trái lại, Hòa Phát-HPG (+76.1 tỷ), Petrolimex-PLX (+75.4 tỷ), Vincom Retail-VRE (+26.6 tỷ) được khối này mua ròng nhiều nhất.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có diễn biến tăng tương tự khi đóng cửa tại mức 129.20 điểm (+0.57%). KLGD khớp lệnh

## Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK       | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| <b>HOSE</b> |                      |                |
| VGC         | 29,351.6             | 673.86         |
| TCB         | 14,429.2             | 303.60         |
| PLX         | 1,500.0              | 75.96          |
| SAB         | 306.5                | 57.88          |
| VND         | 2,300.0              | 29.21          |
| KDH         | 1,000.0              | 24.20          |
| NVL         | 380.0                | 23.37          |
| VRE         | 800.0                | 22.68          |
| VNM         | 136.0                | 17.10          |
| BID         | 350.0                | 14.27          |
| <b>HNX</b>  |                      |                |
| TAR         | 798.7                | 15.97          |
| VCG         | 100.0                | 3.58           |
| BCC         | 100.0                | 0.73           |
| SJE         | 13.5                 | 0.24           |
| L14         | 0.3                  | 0.01           |

đạt 43.2 triệu cổ phiếu (-26.0%), tương đương 470.1 tỷ đồng giá trị (-33.1%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.9%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7%) và Vicostone-VCS (+1.2%) là những trụ cột kéo điểm chính cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, Khách sạn Đại Dương-OCH (-10.0%), Vinaconex-VCG (-0.8%), Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (-1.2%) giảm điểm tiêu cực nhất.

Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị 9.6 tỷ đồng (-58.0%). Với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-6.7 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (-1.3 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-1.2 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trong khi đó, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.6 tỷ), PT Nhà và Đô thị Nam HN-NHA (+0.1 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+0.1 tỷ) được khối ngoại tập trung mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên cho thấy áp lực bán từ phiên cơ cấu của hai quỹ ETF cũng không quá mạnh. Không những vậy, chỉ số nằm trên MA5 cùng với chùm MA5, 10, 20 đang ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, kèm theo đường ADX nằm trên vùng 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn đang tiếp diễn. Chỉ số có thể có cơ hội vượt qua vùng kháng cự 905 điểm (đỉnh cũ tháng 6/2020) và hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự mục tiêu 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục đi lên và duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với chùm MA5, 10, 20 trong trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể quanh vùng 134.4 (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường vẫn đang trong xu hướng phục hồi tích cực và hướng lên các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục của mình vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, thu hút được dòng tiền mạnh và có dự báo kết quả kinh doanh quý 3 tăng trưởng khả quan.

## Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| TTA   | 21.6                | 5,484.5        | 20.0%        |
| TDG   | 2.3                 | 863.9          | 6.9%         |
| TNC   | 26.5                | 50.8           | 6.9%         |
| PTC   | 9.1                 | 0.3            | 6.8%         |
| EMC   | 16.5                | 0.1            | 6.8%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| DTT   | 9.6                 | 0.0            | -6.8%        |
| VAF   | 10.4                | 0.0            | -6.8%        |
| HU3   | 7.3                 | 6.2            | -6.7%        |
| SVT   | 13.6                | 1.4            | -6.6%        |
| MHC   | 6.8                 | 1,221.9        | -6.4%        |

#### Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG   | 25.7                | 319.2             | 1.2%         |
| MBB   | 18.8                | 218.1             | 3.6%         |
| GEX   | 24.1                | 202.3             | -1.2%        |
| FPT   | 51.2                | 168.6             | 2.4%         |
| HSG   | 14.2                | 162.8             | 5.6%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ITA   | 4.6                 | 14,189.3       | 0.2%         |
| HPG   | 25.7                | 12,475.7       | 1.2%         |
| HSG   | 14.2                | 11,800.1       | 5.6%         |
| MBB   | 18.8                | 11,784.5       | 3.6%         |
| STB   | 11.7                | 8,721.3        | 1.8%         |

### HNX

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| BKC   | 5.5                 | 0.5            | 10.0%        |
| VE3   | 6.7                 | 11.7           | 9.8%         |
| CVN   | 17.0                | 388.2          | 9.7%         |
| SD2   | 6.8                 | 161.2          | 9.7%         |
| SVN   | 2.3                 | 88.0           | 9.5%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HKB   | 0.7                 | 396.8          | -12.5%       |
| ACM   | 0.8                 | 588.5          | -11.1%       |
| VIG   | 0.9                 | 232.1          | -10.0%       |
| OCH   | 8.1                 | 9.6            | -10.0%       |
| DNM   | 56.6                | 45.7           | -9.9%        |

#### Top 5 giá trị

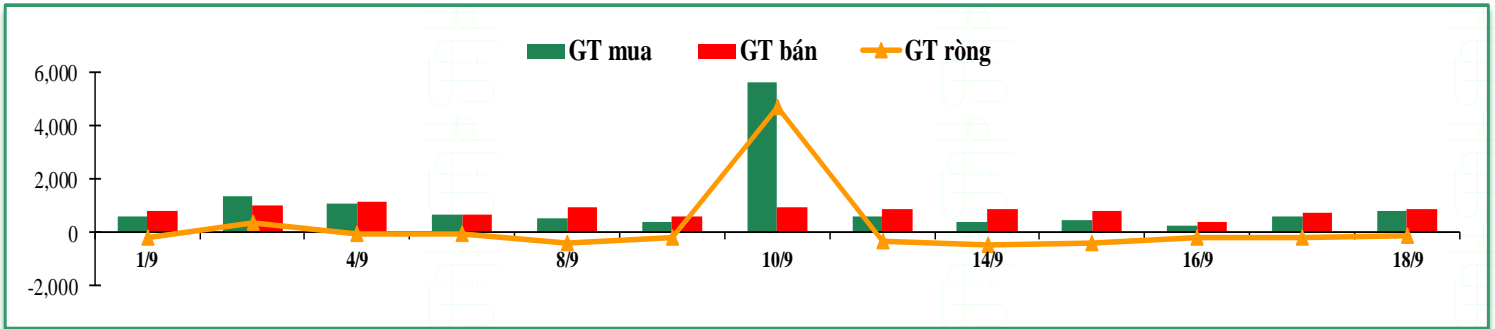
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ACB   | 21.7                | 70.8              | 0.9%         |
| SHB   | 14.5                | 38.4              | 0.7%         |
| PVS   | 12.9                | 37.2              | 0.8%         |
| SHS   | 11.9                | 32.4              | 0.9%         |
| NVB   | 8.8                 | 25.5              | 2.3%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| CEO   | 7.3                 | 3,468.9        | 2.8%         |
| ACB   | 21.7                | 3,280.7        | 0.9%         |
| NVB   | 8.8                 | 2,942.6        | 2.3%         |
| PVS   | 12.9                | 2,904.2        | 0.8%         |
| SHS   | 11.9                | 2,720.3        | 0.9%         |

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD         | GT Mua       | % Thị trường | GT Bán       | % Thị trường | Mua-Bán       |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|
| HOSE           | 782.3        | 15.0%        | 889.5        | 17.1%        | -107.2        |
| HNX            | 3.5          | 0.7%         | 13.1         | 2.8%         | -9.6          |
| <b>Tổng số</b> | <b>785.8</b> |              | <b>902.6</b> |              | <b>-116.8</b> |



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG   | 25.7                | 110.1             | 1.2%         |
| VIC   | 94.0                | 97.1              | 0.0%         |
| VRE   | 28.5                | 79.2              | 0.7%         |
| PLX   | 50.4                | 75.7              | 0.8%         |
| VNM   | 126.4               | 72.5              | 1.5%         |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VHM   | 76.9                | 90.8              | 0.3%         |
| VIC   | 94.0                | 86.1              | 0.0%         |
| VNM   | 126.4               | 74.5              | 1.5%         |
| SAB   | 188.8               | 62.6              | 0.3%         |
| VCB   | 82.9                | 54.5              | 0.5%         |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG   | 25.7                | 76.1              | 1.2%         |
| PLX   | 50.4                | 75.4              | 0.8%         |
| VRE   | 28.5                | 26.6              | 0.7%         |
| HCM   | 20.7                | 13.9              | 2.0%         |
| VIC   | 94.0                | 11.0              | 0.0%         |

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHS   | 11.9                | 2.6               | 0.9%         |
| AMV   | 17.7                | 0.2               | 0.0%         |
| NHA   | 12.2                | 0.1               | 0.0%         |
| BVS   | 11.1                | 0.1               | 0.0%         |
| WCS   | 196.6               | 0.1               | -1.2%        |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHB   | 14.5                | 6.7               | 0.7%         |
| DXP   | 12.8                | 1.3               | 7.6%         |
| PVS   | 12.9                | 1.2               | 0.8%         |
| PGS   | 15.1                | 0.8               | 9.4%         |
| PSD   | 10.2                | 0.6               | -2.9%        |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHS   | 11.9                | 2.6               | 0.9%         |
| NHA   | 12.2                | 0.1               | 0.0%         |
| WCS   | 196.6               | 0.1               | -1.2%        |
| BAX   | 47.1                | 0.1               | 0.2%         |
| QNC   | 7.8                 | 0.0               | 1.3%         |

## Tin trong nước

### **Chính phủ dự kiến tăng trưởng GDP 2021 đạt 6-6,5%**

Văn phòng Chính phủ ngày 17/9 thông báo Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8. Theo đó, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch & Đầu tư tiếp tục rà soát, hoàn thiện kịch bản tăng trưởng và phương án điều hành những tháng cuối năm 2020, kế hoạch năm 2021. Trong đó, dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP năm sau khoảng 6-6,5%.

Trước đó, báo cáo của Bộ Kế hoạch & Đầu tư tại phiên họp Chính phủ đầu tháng này, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng dự báo kinh tế Việt Nam vẫn đứng trước nhiều thách thức trong năm sau. Covid-19 trên thế giới tuy có dấu hiệu dịu lại nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường và khả năng cao sẽ kéo dài cả năm 2021.

Triển vọng kinh tế toàn cầu rất khó khăn, các nước đối tác lớn suy thoái, khả năng phục hồi trở lại trạng thái trước khi Covid-19 xảy ra sẽ cần thời gian khoảng 2-4 năm tùy thuộc mức độ tác động. Dù vậy, lãnh đạo Bộ Kế hoạch & Đầu tư vẫn đưa ra dự báo GDP năm 2021 đạt khoảng 6,7%.

### **Cổ đông Nhật Bản mua 13 triệu cổ phiếu Petrolimex thông qua khớp lệnh**

ENEOS Corporation (Nhật Bản) đã mua xong 13 triệu cổ phiếu Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, HoSE: PLX) trong thời gian 27/8-14/9. Giao dịch được thực hiện bằng phương thức khớp lệnh trên sàn chứng khoán.

Tổ chức có liên quan tại Petrolimex là Công ty TNHH Tư vấn và Holdings JX Nippon Oil & Energy Việt Nam. Đây là một trong các đơn vị thành viên của ENEOS Corporation và nắm giữ 8% số cổ phần đang lưu hành của Petrolimex. Người nội bộ của nhóm này là Thành viên HĐQT Toshiya Nakahara, không sở hữu cổ phần Petrolimex. Như vậy, tổng lượng sở hữu của nhóm nhà đầu tư Nhật Bản hiện hơn 116,5 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 9% vốn Petrolimex.

NHNN chấp thuận cho VIB tăng vốn điều lệ lên hơn 11.000 tỷ đồng

VIB được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 9.244 tỷ đồng lên 11.093 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIB bằng việc chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) vừa thông báo cho biết đã nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc VIB tăng vốn điều lệ từ 9.244 tỷ đồng lên 11.093 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIB bằng việc chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu.

VIB cũng đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE). Theo đó, dự kiến ngân hàng sẽ niêm yết hơn 924 triệu cổ phiếu VIB trên sàn HoSE. Hiện cổ phiếu VIB đang được giao dịch trên sàn UPCoM với giá 25.000 đồng/cp (ngày 18/9).

---

## Tin doanh nghiệp niêm yết

---

### **Gelex nâng giá chào mua lần 2 cổ phiếu Viglacera, lên 23.500 đồng/cp**

Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng giám đốc Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam (Gelex, HoSE: GEX) vừa ký quyết định tăng giá chào mua công khai lần 2 cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera (HoSE: VGC) lên mức 23.500 đồng/cp. Việc tăng giá được áp dụng đối với tất cả các cổ đông Viglacera, kể cả các cổ đông đã đăng ký bán cổ phiếu cho Gelex.

Trước đó, Gelex đã thông báo chào mua công khai 95 triệu cổ phiếu với giá 17.700 đồng/cp trong thời gian 26/8 đến 25/9. Tuy nhiên đến ngày 11/9, CEO Nguyễn Văn Tuấn đã quyết định nâng giá chào mua lên 21.500 đồng/cp và đến 18/9 được nâng tiếp lên 23.500 đồng/cp.

Như vậy với giá mới, tạm tính số tiền Gelex chi ra khoảng 2.233 tỷ đồng. Mức giá này cao hơn 33% so với giá chào mua ban đầu. Trong khi đó, cổ phiếu VGC cũng đang giao dịch lên vùng thị giá 23.500 đồng/cp.

Hiện nay Gelex cùng các đơn vị thành viên đang sở hữu tổng cộng gần 112 triệu cổ phiếu, tương đương 24,96% vốn Viglacera. Nếu mua được toàn bộ, nhóm cổ đông này có thể nắm giữ gần 207 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 46,15% vốn. Bộ Xây dựng vẫn là cổ đông lớn nhất nắm gần 38% vốn và đang có kế hoạch thoái vốn khỏi Viglacera trong năm 2020.

### **Vinam sẽ trả cổ tức 60% trước phương án phát hành riêng lẻ**

Hội đồng quản trị CTCP Vinam (HNX: CVN) vừa ra quyết định sẽ thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 60% (40% bằng cổ phiếu và 20% bằng tiền) để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu. Phương án chi trả cổ tức sẽ được thực hiện trước đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Năm 2019, Vinam ghi nhận tăng trưởng cao trong kinh doanh khi doanh thu tăng 255% lên 212 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 126% đạt gần 47 tỷ đồng. Với kết quả đó, cổ đông đã thống nhất mức trả cổ tức bằng cổ phiếu 40% và tiền mặt 20%.

Với 8,25 triệu cổ phiếu đang lưu hành, dự kiến công ty sẽ trích 16,5 tỷ đồng để trả tiền mặt và phát hành 3,3 triệu cổ phiếu trả cổ tức.

Hồi giữa tháng 8, Vinam đã công bố thông tin triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Theo đó công ty dự kiến phát hành 8,25 triệu cổ phiếu cho 4 nhà đầu tư, tỷ lệ 100%. Giá phát hành dựa trên cơ sở đàm phán với nhà đầu tư nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

### **Sonadezi chi thêm 188 tỷ đồng trả cổ tức đợt cuối 2019**

Tổng CTCP Phát triển khu Công nghiệp (Sonadezi, UPCoM: SNZ) thông báo chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức còn lại năm 2019 với tỷ lệ 5% (1 cổ phiếu được nhận 500 đồng). Với 376,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Sonadezi dự kiến chi hơn 188 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 9/10 và thời gian thanh toán dự kiến vào 28/10.

Năm ngoái, Sonadezi ghi nhận doanh thu tăng 15% lên 4.961 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 36% lên gần 656 tỷ đồng. Mức cổ tức cho năm 2019 được thông qua là 9% bằng tiền, trong đó doanh nghiệp đã tạm ứng 4% vào cuối năm 2019.

Sang năm 2020, Sonadezi đề ra mục tiêu tổng doanh thu 4.584 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế kế hoạch là gần 915 tỷ đồng, giảm 21% so với năm trước. Kế hoạch cổ tức năm 2020 dự kiến là 10%, tương ứng với giá trị hơn 376 tỷ đồng.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú                                   |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---|
| 1   | VNM   | Mua         | 21/09/20         | 126.4        | 126.4         | 0.0%           | 137          | 8.4%       | 123.9      | -2.0%      | Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng tăng |

| STT | Mã CK | Khuyến nghị  | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Kháng cự         | Tín hiệu kỹ thuật  |
|-----|-------|--------------|------------------|--------------|------------------|--|
| 1   | TCB   | Quan sát mua | 21/09/20         | 21.8         | 24               | Phiên tăng thoát nền tích lũy + vol tăng cao hai phiên gần đây<br>-> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 21.6-21.7   |
| 2   | NVL   | Quan sát mua | 21/09/20         | 63.9         | 68-69<br>73.5-74 | Tín hiệu tích lũy tích cực trên MA50 sau khi vượt lên lại + MACD vẫn đang tăng tốt trên Signal -> cần phiên break nền vượt 64.5 sẽ cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng trung hạn |
| 3   | VCS   | Quan sát mua | 21/09/20         | 67.3         | 73.5-75.5        | Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ quanh 66 tích cực với vol giảm dần + mẫu hình đảo chiều Bullish Engulfing -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng                                       |
| 4   | DPG   | Quan sát mua | 21/09/20         | 25.6         | 29               | Nhịp tích lũy bên dưới MA200 tích cực với vol giảm thấp dần<br>-> khả năng sớm có phiên break  |
| 5   | CTI   | Quan sát mua | 21/09/20         | 14.6         | 17-17.5          | Nhịp điều chỉnh tích cực với nền và vol nhỏ dần + MACD về gần Signal<br>-> khả năng sớm tăng trở lại khi về gần hỗ trợ 14-14.5   |

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1   | DGC   | Nắm giữ     | 20/08/20         | 40.65        | 33.45         | 21.5%          | 43.5         | 30.0%      | 31.8       | -5%        |         |
| 2   | PPC   | Mua         | 14/09/20         | 23.95        | 24.3          | -1.4%          | 26           | 7.0%       | 23.5       | -3%        |         |
| 3   | IMP   | Mua         | 15/09/20         | 49.15        | 48.15         | 2.1%           | 54.4         | 13%        | 47.2       | -2%        |         |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

|   |     |     |          |      |      |       |      |     |      |     |
|---|-----|-----|----------|------|------|-------|------|-----|------|-----|
| 4 | LIX | Mua | 16/09/20 | 58.1 | 56.8 | 2.3%  | 60.9 | 7%  | 54.9 | -3% |
| 5 | MWG | Mua | 17/09/20 | 94.5 | 94.6 | -0.1% | 105  | 11% | 90   | -5% |

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

| Mã chứng quyền | Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 18/09/2020 |                    |                          |                                    |                          |                 |                | Thông tin chứng quyền               |        |      |                           |                      |              |
|----------------|--|--------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------|----------------|-------------------------------------|--------|------|---------------------------|----------------------|--------------|
|                | Giá phát hành (VND)                            | Giá đóng cửa (VND) | Tăng/giảm trong ngày (%) | Tăng/giảm so với giá phát hành (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) | CTCKPH | CKCS | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
| CCTD2001       | 1,540  | 1,190              | -0.8 %                   | -23%                               | 234                      | 89              | 73,300         | 107                                 | KIS    | CTD  | 80,888                    | 10                   | 16/12/2020   |
| CFPT2003       | 7,300  | 12,160             | 10.6 %                   | 67%                                | 4,268                    | 52              | 51,200         | 1,723                               | SSI    | FPT  | 50,000                    | 1                    | 09/11/2020   |
| CFPT2006       | 1,500  | 1,960              | 5.4 %                    | 31%                                | 3,448                    | 41              | 51,200         | 1,631                               | HCM    | FPT  | 44,386                    | 4                    | 29/10/2020   |
| CFPT2007       | 1,690  | 1,820              | 8.3 %                    | 8%                                 | 10,888                   | 35              | 51,200         | 1,565                               | MBS    | FPT  | 43,500                    | 5                    | 23/10/2020   |
| CFPT2008       | 1,500  | 1,600              | 8.8 %                    | 7%                                 | 13,755                   | 118             | 51,200         | 846                                 | HCM    | FPT  | 48,000                    | 5                    | 14/01/2021   |
| CHDB2005       | 1,080  | 690                | 4.6 %                    | -36%                               | 2,462                    | 17              | 29,750         | 615                                 | KIS    | HDB  | 27,327                    | 4                    | 05/10/2020   |
| CHDB2006       | 2,180  | 2,600              | 0 %                      | 19%                                | 4,953                    | 20              | 29,750         | 2,545                               | MBS    | HDB  | 24,700                    | 2                    | 08/10/2020   |
| CHPG2005       | 2,100  | 12,230             | 6.3 %                    | 482%                               | 10,000                   | 13              | 25,700         | 6,720                               | VND    | HPG  | 19,000                    | 1                    | 01/10/2020   |
| CHPG2008       | 4,100  | 4,560              | 6.3 %                    | 11%                                | 2,953                    | 73              | 25,700         | 112                                 | SSI    | HPG  | 28,000                    | 1                    | 30/11/2020   |
| CHPG2009       | 1,600  | 4,530              | 4.1 %                    | 183%                               | 6,852                    | 41              | 25,700         | 1,638                               | HCM    | HPG  | 22,500                    | 2                    | 29/10/2020   |
| CHPG2012       | 6,100  | 6,450              | 8.2 %                    | 6%                                 | 4,426                    | 122             | 25,700         | 947                                 | SSI    | HPG  | 26,500                    | 1                    | 18/01/2021   |
| CHPG2013       | 6,900  | 7,970              | 5.3 %                    | 16%                                | 3,425                    | 74              | 25,700         | 1,974                               | SSI    | HPG  | 24,000                    | 1                    | 01/12/2020   |
| CHPG2014       | 7,200  | 7,550              | 3.9 %                    | 5%                                 | 5,842                    | 213             | 25,700         | 1,921                               | SSI    | HPG  | 26,500                    | 1                    | 19/04/2021   |
| CHPG2015       | 6,700  | 6,950              | 6.1 %                    | 4%                                 | 1,742                    | 164             | 25,700         | 1,395                               | SSI    | HPG  | 26,500                    | 1                    | 01/03/2021   |
| CHPG2016       | 2,200  | 2,950              | 5.4 %                    | 34%                                | 2,387                    | 118             | 25,700         | 283                                 | HCM    | HPG  | 27,500                    | 2                    | 14/01/2021   |
| CMBB2003       | 2,000  | 1,670              | 22.8 %                   | -17%                               | 8,322                    | 52              | 18,750         | 890                                 | SSI    | MBB  | 18,000                    | 1                    | 09/11/2020   |
| CMBB2005       | 2,000  | 440                | 12.8 %                   | -78%                               | 1,357                    | 38              | 18,750         | 6                                   | VCI    | MBB  | 20,000                    | 1                    | 26/10/2020   |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



|          |        |        |         |      |        |     |        |       |     |     |         |    |            |
|----------|--------|--------|---------|------|--------|-----|--------|-------|-----|-----|---------|----|------------|
| CMBB2006 | 1,100  | 1,340  | 21.8 %  | 22%  | 64,888 | 41  | 18,750 | 1,153 | HCM | MBB | 16,500  | 2  | 29/10/2020 |
| CMBB2007 | 1,400  | 1,540  | 13.2 %  | 10%  | 54,919 | 118 | 18,750 | 1,020 | HCM | MBB | 17,000  | 2  | 14/01/2021 |
| CMSN2001 | 2,300  | 430    | -4.4 %  | -81% | 7,957  | 89  | 54,200 | 2     | KIS | MSN | 65,789  | 5  | 16/12/2020 |
| CMSN2005 | 2,100  | 550    | 1.9 %   | -74% | 16,729 | 41  | 54,200 | 0     | HCM | MSN | 60,000  | 5  | 29/10/2020 |
| CMSN2006 | 1,900  | 1,180  | -2.5 %  | -38% | 5,485  | 118 | 54,200 | 323   | HCM | MSN | 56,000  | 5  | 14/01/2021 |
| CMSN2008 | 1,530  | 1,270  | -3.1 %  | -17% | 12,449 | 80  | 54,200 | 469   | MBS | MSN | 53,000  | 5  | 07/12/2020 |
| CMWG2005 | 2,500  | 2,630  | -4.7 %  | 5%   | 31     | 13  | 94,500 | 1,302 | VND | MWG | 92,000  | 2  | 01/10/2020 |
| CMWG2006 | 2,000  | 260    | 4.0 %   | -87% | 449    | 38  | 94,500 | 0     | VCI | MWG | 110,000 | 5  | 26/10/2020 |
| CMWG2007 | 12,900 | 11,830 | -2.3 %  | -8%  | 2,171  | 73  | 94,500 | 8,344 | SSI | MWG | 87,000  | 1  | 30/11/2020 |
| CMWG2008 | 1,300  | 1,200  | 20.0 %  | -8%  | 9,036  | 39  | 94,500 | 978   | HCM | MWG | 85,000  | 10 | 27/10/2020 |
| CMWG2009 | 1,600  | 1,730  | 0 %     | 8%   | 14,708 | 35  | 94,500 | 1,592 | MBS | MWG | 82,000  | 8  | 23/10/2020 |
| CMWG2010 | 1,400  | 1,830  | 1.7 %   | 31%  | 3,230  | 118 | 94,500 | 1,373 | HCM | MWG | 82,000  | 10 | 14/01/2021 |
| CNVL2001 | 2,300  | 1,800  | -9.1 %  | -22% | 3      | 89  | 63,900 | 135   | KIS | NVL | 65,888  | 4  | 16/12/2020 |
| CNVL2002 | 2,000  | 2,530  | 2.0 %   | 27%  | 254    | 173 | 63,900 | 1,074 | KIS | NVL | 59,889  | 5  | 10/03/2021 |
| CPNJ2002 | 2,400  | 300    | 30.4 %  | -88% | 9,411  | 13  | 60,400 | (0)   | VND | PNJ | 69,000  | 2  | 01/10/2020 |
| CPNJ2003 | 2,000  | 120    | 0 %     | -94% | 436    | 38  | 60,400 | 0     | VCI | PNJ | 75,000  | 5  | 26/10/2020 |
| CPNJ2005 | 1,000  | 450    | -10.0 % | -55% | 15,175 | 41  | 60,400 | 122   | HCM | PNJ | 60,000  | 10 | 29/10/2020 |
| CPNJ2006 | 1,000  | 850    | 2.4 %   | -15% | 1,993  | 118 | 60,400 | 363   | HCM | PNJ | 59,000  | 10 | 14/01/2021 |
| CPNJ2007 | 1,670  | 2,070  | 1.5 %   | 24%  | 17,499 | 63  | 60,400 | 1,537 | MBS | PNJ | 53,000  | 5  | 20/11/2020 |
| CREE2003 | 1,000  | 2,090  | 0 %     | 109% | 2,610  | 41  | 40,300 | 2,080 | HCM | REE | 30,000  | 5  | 29/10/2020 |
| CREE2004 | 1,570  | 3,600  | 5.3 %   | 129% | 565    | 35  | 40,300 | 3,629 | MBS | REE | 29,500  | 3  | 23/10/2020 |
| CREE2005 | 1,300  | 2,340  | 1.3 %   | 80%  | 18     | 118 | 40,300 | 2,031 | HCM | REE | 32,500  | 4  | 14/01/2021 |
| CROS2002 | 1,000  | 150    | -6.3 %  | -85% | 16,244 | 89  | 2,160  | (0)   | KIS | ROS | 7,227   | 1  | 16/12/2020 |
| CSBT2001 | 2,900  | 240    | 9.1 %   | -92% | 2,169  | 89  | 14,250 | 0     | KIS | SBT | 21,111  | 1  | 16/12/2020 |
| CSTB2002 | 1,700  | 1,100  | -7.6 %  | -35% | 20,094 | 89  | 11,650 | 334   | KIS | STB | 11,888  | 1  | 16/12/2020 |
| CSTB2004 | 1,400  | 1,300  | 4.0 %   | -7%  | 21,869 | 73  | 11,650 | 798   | SSI | STB | 11,000  | 1  | 30/11/2020 |
| CSTB2005 | 1,080  | 420    | 5.0 %   | -61% | 13,349 | 46  | 11,650 | 78    | KIS | STB | 11,811  | 2  | 03/11/2020 |
| CSTB2006 | 1,500  | 810    | 6.6 %   | -46% | 1,307  | 199 | 11,650 | 258   | KIS | STB | 12,888  | 2  | 05/04/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

|          |        |        |         |      |        |     |         |       |     |     |         |    |            |
|----------|--------|--------|---------|------|--------|-----|---------|-------|-----|-----|---------|----|------------|
| CSTB2008 | 1,500  | 1,950  | 1.6 %   | 30%  | 23,353 | 63  | 11,650  | 1,506 | MBS | STB | 10,200  | 1  | 20/11/2020 |
| CTCB2003 | 2,000  | 250    | 0 %     | -88% | 2,229  | 38  | 21,800  | 0     | VCI | TCB | 25,000  | 1  | 26/10/2020 |
| CTCB2005 | 3,000  | 1,700  | 6.9 %   | -43% | 5,515  | 73  | 21,800  | 538   | SSI | TCB | 22,000  | 1  | 30/11/2020 |
| CTCB2006 | 1,200  | 2,020  | 6.3 %   | 68%  | 7,295  | 41  | 21,800  | 1,931 | HCM | TCB | 18,000  | 2  | 29/10/2020 |
| CTCB2007 | 1,700  | 1,740  | 8.1 %   | 2%   | 4,749  | 118 | 21,800  | 1,108 | HCM | TCB | 20,000  | 2  | 14/01/2021 |
| CVHM2001 | 3,100  | 900    | 0 %     | -71% | 1,087  | 89  | 76,900  | 3     | KIS | VHM | 94,567  | 5  | 16/12/2020 |
| CVHM2002 | 11,500 | 5,990  | 0.5 %   | -48% | 1,846  | 73  | 76,900  | 2,236 | SSI | VHM | 77,000  | 1  | 30/11/2020 |
| CVHM2003 | 1,000  | 1,030  | 3.0 %   | 3%   | 18,324 | 41  | 76,900  | 714   | HCM | VHM | 70,000  | 10 | 29/10/2020 |
| CVHM2004 | 1,490  | 100    | -16.7 % | -93% | 11,491 | 17  | 76,900  | (0)   | KIS | VHM | 86,868  | 10 | 05/10/2020 |
| CVHM2005 | 1,400  | 910    | 2.3 %   | -35% | 7,620  | 118 | 76,900  | 273   | HCM | VHM | 79,000  | 10 | 14/01/2021 |
| CVJC2001 | 2,400  | 160    | 0 %     | -93% | 400    | 89  | 106,000 | 0     | KIS | VJC | 173,137 | 10 | 16/12/2020 |
| CVJC2002 | 1,900  | 390    | -7.1 %  | -79% | 2,808  | 41  | 106,000 | 0     | HCM | VJC | 116,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CVJC2003 | 1,670  | 80     | 14.3 %  | -95% | 8,785  | 17  | 106,000 | (0)   | KIS | VJC | 123,456 | 10 | 05/10/2020 |
| CVNM2004 | 17,500 | 15,350 | 3.6 %   | -12% | 2,219  | 73  | 126,400 | 9,423 | SSI | VNM | 118,000 | 1  | 30/11/2020 |
| CVNM2005 | 1,500  | 2,620  | 5.2 %   | 75%  | 3,716  | 41  | 126,400 | 2,375 | HCM | VNM | 103,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CVNM2006 | 1,530  | 310    | 6.9 %   | -80% | 14,536 | 17  | 126,400 | 0     | KIS | VNM | 131,313 | 10 | 05/10/2020 |
| CVNM2007 | 2,400  | 1,510  | 5.6 %   | -37% | 190    | 173 | 126,400 | 307   | KIS | VNM | 138,888 | 10 | 10/03/2021 |
| CVNM2008 | 1,800  | 2,120  | 4.4 %   | 18%  | 7,377  | 118 | 126,400 | 1,410 | HCM | VNM | 114,000 | 10 | 14/01/2021 |
| CVNM2009 | 1,810  | 2,340  | 4.0 %   | 29%  | 32,317 | 80  | 126,400 | 2,011 | MBS | VNM | 107,000 | 10 | 07/12/2020 |
| CVPB2006 | 3,400  | 1,500  | 2.0 %   | -56% | 8,848  | 73  | 23,250  | 452   | SSI | VPB | 24,000  | 1  | 30/11/2020 |
| CVPB2007 | 1,700  | 980    | 6.5 %   | -42% | 25,844 | 41  | 23,250  | 467   | HCM | VPB | 22,500  | 2  | 29/10/2020 |
| CVPB2008 | 1,800  | 1,700  | 4.3 %   | -6%  | 1,232  | 118 | 23,250  | 995   | HCM | VPB | 22,000  | 2  | 14/01/2021 |
| CVPB2009 | 1,630  | 2,100  | 5.5 %   | 29%  | 4,462  | 63  | 23,250  | 1,581 | MBS | VPB | 20,200  | 2  | 20/11/2020 |
| CVRE2003 | 3,000  | 360    | -7.7 %  | -88% | 30,126 | 89  | 28,500  | 0     | KIS | VRE | 37,999  | 2  | 16/12/2020 |
| CVRE2005 | 4,000  | 2,600  | 0 %     | -35% | 5,086  | 73  | 28,500  | 1,218 | SSI | VRE | 28,000  | 1  | 30/11/2020 |
| CVRE2006 | 1,100  | 1,480  | 2.1 %   | 35%  | 8,360  | 41  | 28,500  | 1,395 | HCM | VRE | 23,000  | 4  | 29/10/2020 |
| CVRE2007 | 1,520  | 610    | -1.6 %  | -60% | 9,270  | 199 | 28,500  | 185   | KIS | VRE | 33,333  | 5  | 05/04/2021 |
| CVRE2008 | 1,200  | 1,250  | 2.5 %   | 4%   | 3,334  | 118 | 28,500  | 781   | HCM | VRE | 26,000  | 4  | 14/01/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK                     | Sàn   | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2020E (tỷ) | EPS 2020E | BV 2020E | ROE 2020E | ROA 2020E | PE 2020E | PB 2020E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| <a href="#">CTD</a> (New) | HOSE  | 73,300  | 90,400        | 16/09/2020      | 824                  | 10,391    | 113,736  | 9%        | 5.0%      | 8.7      | 0.8      | 30%              |
| <a href="#">DBD</a> (New) | HOSE  | 45,000  | 39,000        | 11/09/2020      | 143                  | 2,733     | 18,708   | 15%       | 8.2%      | 14.1     | 2.1      | 15%              |
| <a href="#">VCB</a> (New) | HOSE  | 82,900  | 78,000        | 07/09/2020      | 17,662               | 4,762     | 26,585   | 20%       | 1.5%      | 16.4     | 2.9      | 0%               |
| <a href="#">AST</a> (New) | HOSE  | 50,900  | 40,000        | 07/09/2020      | 6                    | 133       | 17,827   | 1%        | 0.5%      | 301.4    | 2.2      | 10%              |
| <a href="#">PHR</a> (New) | HOSE  | 57,900  | 57,615        | 04/09/2020      | 1,180                | 8,709     | 22,532   | 28%       | 14.1%     | 6.2      | 2.3      | 30%              |
| <a href="#">VRE</a>       | HOSE  | 28,500  | 39,500        | 03/09/2020      | 2,445                | 1,109     | 11,914   | 8%        | 6.4%      | 23.3     | 2.6      | -                |
| <a href="#">POW</a>       | HOSE  | 10,000  | 12,800        | 01/09/2020      | 2,655                | 971       | 13,557   | 8%        | 5.0%      | 13.2     | 0.9      | 0%               |
| <a href="#">MWG</a>       | HOSE  | 94,500  | 105,600       | 28/08/2020      | 3,496                | 7,717     | 32,797   | 24%       | 7.5%      | 13.7     | 3.2      | 15%              |
| <a href="#">NVL</a>       | HOSE  | 63,900  | 64,350        | 28/08/2020      | 3,547                | 3,699     | 25,725   | 13%       | 3.8%      | 20.3     | 2.1      | -                |
| <a href="#">NT2</a>       | HOSE  | 23,500  | 27,600        | 27/08/2020      | 775                  | 2,691     | 14,445   | 19%       | 11.0%     | 10.3     | 1.9      | 25%              |
| <a href="#">SCS</a>       | HOSE  | 125,000 | 120,000       | 27/08/2020      | 403                  | 7,468     | 20,060   | 40%       | 36.9%     | 16.1     | 6.0      | 36%              |
| <a href="#">MSN</a>       | HOSE  | 54,200  | 62,400        | 24/08/2020      | 1,026                | 877       | 27,165   | 2%        | 0.4%      | 71.2     | 2.3      | 10%              |
| <a href="#">HPG</a>       | HOSE  | 25,700  | 28,700        | 18/08/2020      | 9,638                | 2,889     | 16,628   | 18%       | 9%        | 9.9      | 1.7      | 5%               |
| <a href="#">DHG</a>       | HOSE  | 105,600 | 88,000        | 17/08/2020      | 670                  | 5,125     | 27,884   | 18%       | 15%       | 17.2     | 3.2      | -                |
| <a href="#">VTP</a>       | UPCOM | 103,500 | 142,700       | 13/08/2020      | 451                  | 7,565     | 24,318   | 40%       | 11%       | 18.9     | 7.6      | 0%               |
| <a href="#">VPB</a>       | HOSE  | 23,250  | 22,088        | 12/08/2020      | 8,558                | 3,511     | 20,826   | 18%       | 2%        | 6.3      | 1.1      | 0%               |
| <a href="#">BMP</a>       | HOSE  | 61,000  | 55,800        | 07/08/2020      | 491                  | 6,001     | 30,994   | 19%       | 17%       | 9.2      | 1.8      | 40%              |
| <a href="#">MSH</a>       | HOSE  | 31,650  | 36,500        | 04/08/2020      | 21                   | 428       | 20,629   | 2%        | 1%        | 85.2     | 1.8      | 25%              |
| <a href="#">PNJ</a>       | HOSE  | 60,400  | 66,500        | 04/08/2020      | 836                  | 3,713     | 21,769   | 17%       | 10%       | 17.9     | 3.1      | 8%               |
| <a href="#">CTR</a>       | UPCOM | 42,400  | 42,400        | 03/08/2020      | 191                  | 3,152     | 13,146   | 20%       | 8%        | 16.2     | 3.4      | 10%              |

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn